

Mã đề thi: 01

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bằng cách ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất / thực hiện yêu cầu:

THỎ VÀ RÙA

Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dần lòng trước sự khoe khoang của thỏ.

Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:

- Đừng có đùa! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao?

Rùa mỉm cười:

- Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.

Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.

Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các con thú khác ở dọc đường cổ vũ.

Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện diễu chơi cho đỡ ghét. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thêm thiệp vừa lẩm bầm:

- Ta cứ chọn mất một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát, ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!

Thế rồi nó dạng chân, đuổi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.

Nó bò qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt. Lúc đó, thỏ mới vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.

(158 truyện ngụ ngôn Aesop, Phan Như Huyền, 1995)

Câu 1. Truyện “Thỏ và Rùa” thuộc thể loại nào?

- A. Truyện thần thoại.
- B. Truyện ngụ ngôn.
- C. Truyện thuyết
- D. Truyện cổ tích

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản “Thỏ và rùa” là gì?

- A. Biểu cảm
- B. Miêu tả
- C. Nghị luận
- D. Tự sự

Câu 3. Văn bản “Thỏ và rùa” kể về những nhân vật nào?

- A. Thỏ, rùa, ba ba
- B. Thỏ, rùa, cáo
- C. Thỏ, rùa, trâu
- D. Thỏ, rùa, chó sói

Câu 4. Trong truyện, để xây dựng hình ảnh nhân vật thỏ và rùa, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nổi bật nào?

- A. So sánh
- B. Nhân hoá
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 5. Trong câu chuyện, điều gì đã khiến Thỏ giật mình tỉnh giấc?

- A. Rùa đi ngang qua và đánh thức Thỏ
- B. Con mưa bất chợt làm Thỏ bị ướt
- C. Tiếng reo hò náo nhiệt
- D. Tiếng chim hót líu lo

Câu 6: Hai câu văn sau được liên kết với nhau bởi phương tiện liên kết nào?
“*Lúc đó thỏ vừa mới mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng*”.

- A. Phép nối
- B. Phép thế

- C. Phép lặp
- D. Từ đồng nghĩa

Câu 7: Sự mạch lạc của văn bản “*Thỏ và rùa*” được thể hiện ở:

- A. Sự liên mạch về nội dung văn bản.
- B. Sự thống nhất về đề tài.
- C. Sử dụng các phương tiện liên kết.
- D. Sự liên mạch, thống nhất đề tài của văn bản, các câu được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Câu 8: Ý nghĩa của thành ngữ “*Chậm như rùa*” là gì?

- A. Chậm chạp, ì ạch
- B. Thờ ải, đủng đỉnh

- C. Bình tĩnh, thông thả
- D. Kiên trì, nhẫn nại

Câu 9. Tại sao Rùa vốn chậm chạp nhưng lại giành chiến thắng trước Thỏ- vốn có lợi thế về tốc độ?

Câu 10. Em hãy chỉ ra sự đối lập giữa quá trình chạy đua của Rùa và Thỏ. Vì sao tác giả dân gian lại xây dựng sự đối lập này?

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Từ truyện “*Thỏ và rùa*”, em rút ra bài học gì cho bản thân? (Trình bày thành một đoạn văn 5-7 câu, chỉ ra 1 phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn).

Câu 2 (4 điểm). Có ý kiến cho rằng “tự học là một phương pháp học tập quan trọng giúp con người làm chủ tri thức”. Em hãy viết bài văn nghị luận thể hiện ý kiến tán thành với quan điểm trên, qua đó khẳng định vai trò của tinh thần tự học đối với học sinh hiện nay.

Mã đề: 01

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	2
	1	B	0,25
	2	D	0,25
	3	B	0,25
	4	B	0,25
	5	C	0,25
	6	C	0,25
	7	D	0,25
	8	A	0,25
	9	HS giải thích vì sao rùa chậm chạp mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy: - Rùa chậm nhưng chăm chỉ, cần mẫn, tự tin, nhẫn nại, cố gắng quyết tâm nên về đích trước. - Thỏ chạy nhanh nhưng kiêu ngạo, chủ quan, ỷ lại nên thua cuộc.	1 0,5 0,5
	10	- sự đối lập giữa quá trình chạy đua của Rùa và Thỏ: Rùa: ban đầu: “chậm chạp”, “ì ạch” nhưng kiên trì và quyết tâm, “bò qua con thỏ đang ngủ” → chiến thắng. Thỏ: ban đầu chạy nhanh- đứng lại đợi Rùa, đùa chơi, nằm ngủ → thua cuộc - Tác dụng: + Làm nổi bật tính cách nhân vật: Thỏ đại diện cho sự bốc đồng, thiếu kiên trì; Rùa đại diện cho sự nhẫn nại, kiên trì. + Tạo ra sự kịch tính cho câu chuyện: Một bên nhanh nhưng lười nhác, một bên chậm nhưng kiên trì.	1 0,5 0,5
II		VIẾT	6,0
	Câu 1	HS viết đoạn văn, nêu bài học rút ra, có sử dụng phép liên kết (gợi ý: bài học: - Không nên chủ quan kiêu ngạo - Trong học tập và cuộc sống, cần rèn tính kiên trì, chăm chỉ, không nản lòng. - Không coi thường người khác, biết tôn trọng và học hỏi để hoàn thiện bản thân + Có sử dụng- chỉ rõ phép liên kết	2 điểm 0,5 0,5 0,5 0,5
	Câu 2	Viết bài văn nghị luận	4 điểm
		a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một bài văn.	

	Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến tán thành của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và dẫn chứng cụ thể.	0.25
	<i>b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận: vai trò của tự học với học sinh</i>	0.25
	<i>c. Triển khai hợp lí nội dung bài văn. Có thể viết bài văn theo hướng sau</i> a. Mở bài: - Muốn trở học tập thật tốt, mỗi học sinh chúng ta không chỉ tiếp thu những kiến thức mà thầy cô dạy mà chúng ta cần phải có cho mình một phương pháp học tập phù hợp, có tinh thần tự học, có ý thức trong học tập. b. Thân bài: * Giải thích : - "Tự học" nghĩa là tự mình vạch ra kế hoạch, tự mình đặt ra biện pháp để giúp cho việc học tốt hơn. - Tự học" là phần làm việc ở nhà trước khi vào lớp. Vậy tinh thần tự học là phương pháp học tập tốt giúp cho chúng ta tiến bộ trong học tập *Vai trò của việc tự học - Tự học, đọc trước bài ở nhà trước khi đến lớp sẽ giúp chúng ta khi nghe thầy cô giảng sẽ tiếp thu kiến thức tốt hơn - Chuẩn bị bài, làm bài tập đầy đủ giúp chúng ta củng cố kiến thức đã học và rèn luyện bài học tốt hơn - "Tự học" là phương pháp giúp học sinh chủ động trong học tập, làm chủ tri thức, nâng cao hiệu quả học tập. - Đó còn là cơ sở thể hiện năng lực tư duy sáng tạo, biết sắp xếp công việc có khoa học. - Người học sinh có biện pháp tự học là biết chủ động trong cuộc sống. (Dẫn chứng: Trong thực tế có biết bao gương tự học đã làm nên danh phận như: Mạc Đĩnh Chi tự học thi đỗ Trạng nguyên, Mã Lương tự học và vẽ như thật, Bác Hồ tự học và biết nhiều thứ tiếng * Mở rộng: - Phê phán những kẻ lười học, dựa dẫm, ỷ lại trong học tập. - Trong quá trình tự học, vẫn cần có sự trao đổi với bạn bè, cần sự hướng dẫn của thầy cô. * Bài học - nêu cao ý thức, tinh thần tự học, tự tìm tòi khám phá, năng động sáng tạo, không lười nhác - Hành động: hs nêu các hành động rèn tính tự học. c. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề một lần nữa: - Tinh thần tự học giúp con người nâng cao kiến thức, tự làm chủ lấy mình, tự đặt ra kế hoạch trong học tập. - Mỗi học sinh cần đề ra cho mình biện pháp tự học.	0.5 2 0.25

		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25



BAN GIÁM HIỆU

Ngô Thị Bích Liên

TỔ TRƯỞNG CM

Lưu Hoàng Trang

NHÓM TRƯỞNG CM

Trần Phương Thảo

Mã đề thi: 02

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bằng cách ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đúng trước phương án trả lời đúng nhất / thực hiện yêu cầu:

CON CÁO VÀ CHÙM NHO

Một ngày nọ, Cáo ta xuống triền núi và phát hiện ra phía trước có một vườn nho. Dưới tán lá xanh, từng chùm nho căng tròn mọng nước, dưới ánh sáng mặt trời trông lại càng hấp dẫn. Những chùm nho này khiến người ta thèm thuồng. Cáo thèm tới mức bước bọt cứ trào ra hai bên mép.

- Ai chà chà, ngon quá đi mất!

Cáo ta nhìn trước ngó sau thấy chẳng có ai, nho lại nhiều thế này, cũng muốn chén ngay mấy chùm.

Cáo đứng thẳng người, vươn tay hái nho. Nhưng giàn nho thì cao quá, Cáo ta dù có vươn người đến đâu cũng không thể tới được.

- Nào! Cố lên nào. Cố lên!

Cáo nhanh trí nghĩ ra một cách, thử nhảy lên xem sao.

- Một, hai, ba. Nhảy nào...

Nhưng cố lắm cũng chỉ với tới lá nho mà thôi. Cáo ta không đành lòng rời khỏi vườn nho khi chưa chén được quả nào. Nó nói một mình:

- Hừ! Không thể bỏ đi dễ dàng như vậy được!

Thế là nó lượn mấy vòng quanh vườn, cuối cùng cũng phát hiện ra một cây nho khá thấp. Cáo ta lại nhảy lên, không tới được chùm nho, lại gắng sức nhảy lên lần nữa, vẫn không hái được quả nho nào. Cáo ta lại lượn xung quanh giàn nho. Và kia, sau một tán lá, Cáo ta phát hiện ra một chùm nho còn thấp hơn chùm lúc nãy. Thích chí quá, Cáo tự đắc:

- Không có việc gì có thể làm khó ta được. Ha ha! Lần này thì ta có nho ăn rồi!

Nước dãi trong cổ họng cứ trào ra, lùi lại mấy bước lấy đà, Cáo nhảy lên.

- Hai, ba. Nhảy nào!

Nhưng hỡi ôi, vẫn chẳng với tới được.

- Hừ, tức thật. Làm thế nào bây giờ?

Cáo ta dù có làm thế nào cũng không thể hái được nho, thở đánh thượt một cái rồi nói:

- Làm sao mà mình lại cứ phải cố ăn mấy cái chùm nho này nhỉ? Vỏ thì xanh thế, chắc chắn là chưa chín rồi. Không biết chừng còn vừa chua vừa chát, không nuốt được, có khi còn phải nhổ ra, đúng là chả ra làm sao cả.

Nói xong, Cáo râu rĩ rời khỏi vườn nho.

(<https://truyendangian.com/con-cao-va-chum-nho/>)

Câu 1. Truyện Con Cáo và chùm nho thuộc thể loại nào?

A. Truyện thần thoại.

C. Truyện thuyết.

B. Truyện ngụ ngôn.

D. Truyện cổ tích.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản “Con cáo và chùm nho” là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Biểu cảm

Câu 3. Trong văn bản con Cáo đã rơi vào tình huống nào?

- A. Cáo đói khát, lén vào vườn trộm nho.
B. Vườn nho không có quả để Cáo hái.
C. Con Cáo bị ông chủ vườn nho bắt nhốt.
D. Con Cáo không thể vào được vườn nho.

Câu 4. Hai câu sau được liên kết với nhau bởi phép liên kết nào?

“Cáo đứng thẳng người, vươn tay hái nho(1). Nhưng giàn nho thì cao quá, Cáo ta dù có vươn người đến đâu cũng không thể tới được(2).”

- A. Phép nối, phép lặp C. Phép lặp, phép thế
B. Phép thế, phép nối D. Từ đồng nghĩa

Câu 5. Trong truyện, để xây dựng hình ảnh nhân vật cáo, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nổi bật nào?

- A. So sánh B. Nhân hoá C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

Câu 6. Vì sao Cáo quyết định rời khỏi vườn nho?

- A. Vì bị chủ vườn nho đuổi đi.
B. Vì Cáo cảm thấy có lỗi với việc làm của mình.
C. Vì nho còn xanh và không thể với tới được.
D. Vì Cáo thấy vườn nho có sâu và ong.

Câu 7. Vì sao Cáo lại tìm đến cây nho khác?

- A. Vườn nho không hấp dẫn với Cáo. C. Vì bị ong đốt.
B. Vì các bạn của Cáo rủ đi. D. Hi vọng có chùm nho thấp hơn để hái.

Câu 8. Câu chuyện được kể bằng lời của ai?

- A. Lời của con cáo.
B. Lời của người kể chuyện.
C. Lời của người làm vườn.
D. Lời của nhân vật khác.

Trả lời các câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Khi không thể hái được chùm nho dù đã dùng mọi cách, con cáo đã nói gì và làm gì? Hành động đó cho thấy đặc điểm gì trong tính cách của nhân vật này?

Câu 10. Theo em, nhân vật con cáo trong truyện đại diện cho loại người nào trong xã hội?

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Từ truyện “Con cáo và chùm nho”, em rút ra bài học gì cho bản thân? (Trình bày thành một đoạn văn 5-7 câu, chỉ ra 1 phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn).

Câu 2 (4 điểm). Môi trường là hơi thở, là nguồn sống của nhân loại, nhưng thiên nhiên đang dần kiệt quệ bởi sự tàn phá của chính con người. Chính vì vậy, có ý kiến cho rằng: “Bảo vệ môi trường không phải là phong trào nhất thời, mà là trách nhiệm sống còn của tất cả mọi người”. Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

Mã đề: 02

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	A	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	- Hành động/Lời nói: Con cáo bỏ đi và tự nhủ: "Nho còn xanh lắm", "Nho xanh thế này thì ăn vào chỉ có cặn ruột chứ bấu gì". - Tính cách: Hành động này cho thấy sự thiếu trung thực với bản thân, tính tự cao và thói quen đổ lỗi cho hoàn cảnh thay vì thừa nhận sự yếu kém hoặc giới hạn của chính mình.	0.5 0.5
	10	- HS nêu suy nghĩ của mình. Gợi ý: Con cáo đại diện cho những người thiếu năng lực, không biết đối diện với thất bại. Thay vì thừa nhận sự yếu kém của mình hoặc cố gắng hơn, họ lại quay sang chê bai, đổ lỗi cho hoàn cảnh hoặc tìm lý do để biện minh.	1
II		VIẾT	6,0
	Câu 1	- HS viết đoạn văn, nêu bài học rút ra, có sử dụng phép liên kết (gợi ý: bài học: + Tự biết lượng sức mình cho phù hợp với hoàn cảnh. + biết sáng tạo, có kỹ năng ứng phó trong mọi tình huống. + khi gặp thất bại, cần biết đổi mới và tìm hiểu nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm. + Có sử dụng- chỉ rõ phép liên kết	2 1.5 0.5
	Câu 2	a. <i>Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một bài văn.</i> Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến tán thành của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và dẫn chứng cụ thể.	4 0,25
		b. <i>Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận:</i> Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mọi người.	0,25
		c. <i>Triển khai hợp lí nội dung bài văn. Có thể viết bài văn theo hướng sau:</i>	

